

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày : 25-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Lai;

Bà Nguyễn Thị Ái Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/TLST-HS ngày 26/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 07/01/2022 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 01/2022/QĐ-TA ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đối với các bị cáo:

Nguyễn Ngọc M (tên gọi khác: T), sinh ngày 07 tháng 10 năm 1981 tại Phú Yên; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1962; có vợ: Trần Thị Thu Tr, sinh năm 1988 và con: Có 02 con sinh năm 2010 và 2013; tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 80/2017/HS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Giao cáo với trẻ em (chấp hành xong hình phạt ngày 03/7/2019, chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Bản án số 25/HS-ST ngày 28/11/2003 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự xử phạt 06 tháng tù về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có (đã được xóa án tích). Bản án số 207/2010/HS-ST ngày 30/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự xử phạt 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt quả tang và tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2021 đến nay. Có mặt.

Trần Thanh C (tên gọi khác: T E), sinh ngày 13 tháng 3 năm 1996 tại Phú Yên; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang V, sinh năm 1958 (chết) và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/6/2020 bị Công an tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 25/6/2020, đã được xóa xử phạt vi phạm hành chính). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2021 đến nay. Có mặt.

Phùng Xuân Th, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1992 tại Phú Yên; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Xuân T, sinh năm 1956 (chết) và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1956; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 02/2012/HS-ST ngày 12/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum áp dụng khoản 1 Điều 257 Bộ luật Hình sự xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Chống người thi hành công vụ (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại:

Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải - xây dựng H; địa chỉ trụ sở chính: Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo pháp luật ông Lê Đình Kh, sinh năm 1974; địa chỉ: Buôn Nh, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên – giám đốc. Ông Lê Đình Kh ủy quyền cho anh Trần Văn N, sinh năm 1990; đăng ký HKTT: Thôn 1, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – nhân viên quản lý mỏ cát của công ty TNHH vận tải – xây dựng H. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn L, sinh 15/4/2004; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Anh Nguyễn Song Trần Tiểu Đ, sinh năm 1985; nơi cư trú: P, T, P, Tp Nh, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Anh Trần Trung Đ, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 4, S, V, Tp Nh, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

Ông Lê Đình Kh, sinh năm 1974; nơi cư trú: Buôn Nh, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Ông Phan Đình Thái A, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ D, phường Th, Tp B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đó, Trần Thanh C rủ Nguyễn Ngọc M, Phùng Xuân Th đến mở cát của Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải xây dựng H (gọi tắt là Công ty H) tại thôn H, xã S, huyện S để đặt vấn đề bảo kê lấy tiền chia nhau tiêu xài, M và Th đồng ý, C nói “*việc nói chuyện để C, Th lo, còn việc đánh đấm để M lo*”. Sáng ngày 28/6/2021, M gọi điện cho C, Th rủ đến mở cát của Công ty H để đặt vấn đề bảo kê lấy tiền như đã bàn bạc thống nhất trước đó và được C, Th đồng ý. Khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, M điều khiển xem mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 79N1-219.20 (xe mô tô M mượn của Nguyễn Song Trần Tiểu Đ mua lại chưa sang tên) chở C đến mở cát Công ty H gặp anh Trần Văn N là nhân viên quản lý mở cát của Công ty H yêu cầu đưa tiền bảo kê 20.000.000đ/tháng. Anh N nói “*Công ty kinh doanh đang khó khăn*”, C nói “*khó khăn là chuyện mấy ông, tiền tui lấy*”, rồi C hạ tiền bảo kê xuống 10.000.000đ/tháng và đưa làm 2 lần. N lo sợ bị nhóm C đánh và sợ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty nên gọi điện báo cho Ban lãnh đạo công ty H và được thống nhất đưa tiền bảo kê theo yêu cầu của C, N lấy 5.000.000đ đưa cho C. Sau đó, C, M chia nhau tiêu xài cá nhân và M báo cho Th biết lần sau lấy tiền nữa sẽ chia cho Th. Ngày 15/7/2021, M tiếp tục đến mở cát Công ty H gặp anh N yêu cầu đưa tiếp 5.000.000đ tiền bảo kê, N nói chưa có tiền và hẹn 2 ngày sau đến lấy. Sáng ngày 17/7/2021, M, Th rủ C đến mở cát lấy tiền như đã hẹn, C nói bận đi xe nên nói M đi với Th rồi Th lấy điện thoại của M gọi cho anh N hẹn thời gian đến lấy tiền. Đến 13 giờ 30 cùng ngày, M rủ thì Th không đi, M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79N1-219.20 đi đến mở cát thì có Nguyễn Văn L đi theo chơi, khi đến nơi M gặp anh N nói lấy tiền, anh N nói “*đưa luôn cho M 10.000.000đ để lần sau khỏi đưa*”, M đồng ý cầm tiền nhờ L đếm hộ thì bị Công an huyện Sông Hinh bắt quả tang, tạm giữ số tiền 8.800.000đ cùng phương tiện.

Vật chứng vụ án:

- 13.800.000đ tiền Việt Nam (trong đó 44 tờ mệnh giá 200.000đ và 10 tờ mệnh giá 500.000đ);
- 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 79N1-219.20;
- 01 (một) USB SanDisk Cruzer Glide 3.0 16GB màu đen đỏ, bên trong chứa 01 file video dung lượng 50,6MB thời gian 05 phút 52 giây (đã niêm phong);
- 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu trắng sữa đã cũ, mặt màn hình bị vỡ nhiều mảnh;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO 1720 màu đen đã qua sử dụng.

Cáo trạng số 23/CT-VKS, ngày 25/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh đã truy tố Nguyễn Ngọc M (T), Trần Thanh C (T E), Phùng

Xuân Th về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc M, Trần Thanh Cg, Phùng Xuân Th phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc M từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh C từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, xử phạt Phùng Xuân Th từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Trả cho bị hại số tiền 13.800.000đ; trả cho anh Nguyễn Song Trần Tiểu Đ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 79N1-219.20. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) USB SanDisk Cruzer Glide 3.0 16GB màu đen đỏ, bên trong chứa 01 file video dung lượng 50,6MB thời gian 05 phút 52 giây (đã niêm phong). Tịch thu, sung công quỹ 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu trắng sữa đã cũ, mặt màn hình bị vỡ nhiều mảnh, 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO 1720 màu đen.

Ý kiến của bị hại:

Anh Trần Văn N đại diện bị hại trình bày: Anh là nhân viên quản lý mỏ cát của Công ty H tại thôn H, xã S, huyện S. Khoảng 13h30 phút ngày 28/6/2021 có hai đối tượng là T và T E đến trạm cân của công ty H gặp anh đặt vấn đề bảo kê mỏ cát để lấy tiền. T E là người trực tiếp yêu cầu đưa mỗi tháng 20.000.000đ để khi xe chở cát của công ty ra vào bị dân chặn lại gây khó khăn thì chúng sẽ đứng ra giải quyết, giàn xếp cho xe qua lại thuận tiện. Lúc đó, anh nói “*công ty làm ăn đang gặp khó khăn*” thì T E nói “*khó khăn là chuyện mấy ông, tiền tui lấy*” và giảm tiền xuống còn 10.000.000đ/tháng, mỗi tháng lấy 2 lần mỗi lần 5.000.000đ. Lúc đó thái độ, khuôn mặt của T E hung dữ nên anh lo sợ cho sự an toàn của bản thân và sợ ảnh hưởng đến hoạt động công ty nên gọi điện báo cho lãnh đạo công ty và được thống nhất đáp ứng theo yêu cầu của chúng, anh lấy 5.000.000đ tiền của Công ty đưa theo yêu cầu và T làm người trực tiếp cầm tiền rồi cả hai bỏ đi. Đến ngày 15/7/2021 T (M) lại chạy xe vào gặp anh N nói lấy tiền thì anh báo chưa có tiền hẹn 2 ngày sau lấy, rồi anh báo cho công ty lấy tiền. Đến khoảng 13h40 phút ngày 17/7/2021 T (M) chờ theo L ra lấy tiền thì anh đưa số tiền 8.800.000đ và T nhờ L đếm tiền hộ thì bị công an bắt quả tang thu giữ. Nay công ty yêu cầu trả lại số tiền đã bị chiếm đoạt của hai lần tổng cộng là 13.800.000đ. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn L trình bày: Khoảng 13h20 phút ngày 17/7/2021 anh đang câu cá thì thấy bị cáo M lấy xe đi, nghĩ là đi hái lá giang nên xin đi theo chơi và được bị cáo M chở đến mỏ cát tại thôn H, xã S, tại đây anh và bị cáo M gặp một người tên N là nhân viên quản lý mỏ cát, có nghe bị cáo M và N nói chuyện gì đó không rõ, khi N đưa tiền thì bị cáo M nhờ anh đếm hộ rồi bị công an bắt quả tang.

Bà Phạm Thị Th trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo Trần Thanh C. Sau khi bị cáo C bị bắt bà mới biết C đã phạm tội cưỡng đoạt tài sản của Công ty H. Nay bà xin thay mặt gia đình giao nộp số tiền 2.500.000đ để khắc phục hậu quả cho bị cáo C và không yêu cầu C trả lại số tiền này.

Bà Nguyễn Thị Bích H trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Ngọc M. Sau khi bị cáo M bị bắt bà mới biết M đã phạm tội cưỡng đoạt tài sản của Công ty H. Nay bà xin thay mặt gia đình giao nộp số tiền 2.500.000đ để khắc phục hậu quả cho bị cáo M và không yêu cầu M trả lại số tiền này.

Theo lời khai có trong hồ sơ anh Trần Trung Đ trình bày: Năm 2016 có mua lại chiếc xe máy nhãn hiệu Sirius màu trắng biển kiểm soát 79N1-21920 với giá 18.000.000đ (đã giao đủ tiền) tại tiệm mua bán xe máy cũ thuộc thành phố Nha Trang (lâu quá không nhớ tiệm nào, địa chỉ cụ thể). Đến năm 2017 anh bán lại cho một người đàn ông nhà ở phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang (không nhớ địa chỉ cụ thể) với giá 13.000.000đ. Nay xe đã bán lấy tiền rồi nên anh không yêu cầu gì.

Theo lời khai có trong hồ sơ anh Nguyễn Song Trần Tiểu Đ trình bày: Khoảng tháng 7/2017 anh có mua lại chiếc xe máy nhãn hiệu Sirius màu trắng biển kiểm soát 79N1-21920 với giá 12.500.000đ (đã giao đủ tiền) của một người đàn ông lạ mặt. Đến tháng 8/2021, cho bị cáo M (là cháu họ) mượn làm phương tiện đi lại, ngoài ra không biết gì hết. Nay xin nhận lại xe để sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Hinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trước đó, giữa Trần Thanh C, Nguyễn Ngọc M và Phùng Xuân Th bàn bạc thống nhất với nhau vào mỏ cát của Công ty H tại thôn H, xã S, huyện S để đặt vấn đề bảo kê cho xe chở cát của Công ty H ra vào thuận tiện và yêu cầu thu tiền bảo kê. Khoảng 11h00 phút, ngày 28/6/2021 và 13h30 phút ngày 17/7/2021, Nguyễn Ngọc M, Trần Thanh C và Phùng Xuân Th đã 02 lần chiếm đoạt của Công ty H tổng số tiền 13.800.000đ thì bị công an bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo phạm tội có sự bàn bạc thống nhất, phân công vai trò từng bị cáo nhưng khi thực hiện tội phạm các bị cáo tham gia rời rạc, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo với nhau. Do đó, các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc M cả hai lần đều là người chủ động liên lạc với các bị cáo và trực tiếp cùng bị cáo C đi đặt vấn đề bảo kê và lấy tiền nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn các bị cáo khác. Bị cáo Trần Thanh C là người khởi xướng và trực tiếp cùng bị cáo M đến đặt vấn đề bảo kê yêu cầu thu tiền lần thứ nhất nên chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn bị cáo M. Riêng bị cáo Phùng Xuân Th tuy có tham gia bàn bạc và thống nhất với nhau trong việc đến đặt vấn đề bảo kê thu tiền về chia cho ba bị cáo và có một lần gọi điện hẹn với bị hại để lấy tiền nhưng khi bị cáo M rủ đi thì bị cáo không đi nên chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn bị cáo M và C.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình tự nguyện giao nộp số tiền đã chiếm đoạt, được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Ngọc M đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân tại địa phương, đã xâm phạm đến quyền tài sản là khách thể được pháp luật bảo vệ, các bị cáo đều có nhân thân xấu và có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tài sản chiếm đoạt đã được thu giữ và giao nộp lại nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc trong quá trình lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ.

[6] Về hành vi của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đối với Nguyễn Văn L là người cùng bị cáo Minh đi đến mỏ cát và đếm tiền giúp M nhưng không biết số tiền M nhờ đếm là do phạm tội mà có, khi đi L cũng không biết M đi lấy tiền bảo kê nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với L là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Song Trần Tiểu Đ là chủ sở hữu chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 79N1-219.20 cho M mượn làm phương tiện đi lại, không biết M sử dụng xe mô tô của mình đi cưỡng đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Đ là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không có ai yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về vật chứng:

- Quá trình điều tra Cơ quan điều tra căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả cho chủ sở hữu Nguyễn Văn L 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen là có căn cứ.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả cho bị hại số tiền 13.800.000đ; trả cho anh Nguyễn Song Trần Tiểu Đ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 79N1-219.20.

Tiêu hủy 01 (một) USB SanDisk Cruzer Glide 3.0 16GB màu đen đỏ, bên trong chứa 01 file video dung lượng 50,6MB thời gian 05 phút 52 giây (đã niêm phong) vì không có giá trị sử dụng.

Sung công quỹ 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu trắng sửa đã cũ mặt màn hình bị vỡ nhiều mảnh, 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO 1720 màu đen đã qua sử dụng vì là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án mỗi bị cáo là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc M (T), Trần Thanh C (T E), Phùng Xuân Th phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc M (T), xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc M (T) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thanh C (T E) và bị cáo Phùng Xuân Th; xử phạt bị cáo Trần Thanh C (Tí Em) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2021; xử phạt bị cáo Phùng Xuân Th 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xét.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả cho bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải xây dựng H số tiền 13.800.000đ;

Trả cho anh Nguyễn Song Trần Tiểu Đ 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 79N1-219.20.

Tiêu hủy 01 (một) USB SanDisk Cruzer Glide 3.0 16GB màu đen đỏ bên trong chứa 01 file video dung lượng 50,6MB thời gian 05 phút 52 giây (đã niêm phong).

Sung công quỹ 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu trắng sửa đã cũ mặt màn hình bị vỡ nhiều mảnh, 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO 1720 màu đen.

(Tất cả các vật chứng trên có đặc điểm theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Hình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hình).

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc M (Ty), Trần Thanh C (T E), Phùng Xuân Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Sông Hinh;
- Công an H.Sông Hinh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

BÀN THỊ TIÊN

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÙI THỊ LỪNG

BÀN THỊ TIÊN

KSOR Y THƯ